

Số: 641/KH-SYT

Quảng Bình, ngày 17 tháng 4 năm 2019

KẾ HOẠCH (HOÀN CHỈNH)

**Xét tuyển viên chức sự nghiệp hưởng lương
từ nguồn tự bảo đảm tại Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa
và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh**

I. Căn cứ xây dựng kế hoạch

1. Căn cứ pháp lý:

Luật Viên chức số 58/2010/QH12 ngày 15/11/2010 ;

Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

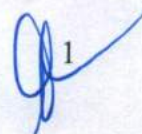
Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ ban hành sửa đổi, bổ sung một số quy định về tuyển dụng công chức, viên chức, nâng ngạch công chức, thăng hạng viên chức và thực hiện chế độ hợp đồng một số loại công việc trong cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập;

Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Thông tư số 16/2012/TT- BNV ngày 28/12/2012 của Bộ Nội vụ ban hành Quy chế thi tuyển, xét tuyển viên chức; Quy chế thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức và nội quy kỳ thi tuyển, thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp đối với viên chức;

Thông tư số 04/2015/TT-BNV ngày 31/8/2015 của Bộ Nội vụ về việc Sửa đổi bổ sung Điều 6 Thông tư số 15/2012/TT-BNV ngày 25/12/2012 của Bộ Nội vụ về việc hướng dẫn về tuyển dụng, ký kết hợp đồng làm việc và đền bù chi phí đào tạo, bồi dưỡng đối với viên chức;

Quyết định số 13/2012/QĐ-UBND ngày 04/7/2012 của UBND tỉnh về việc ban hành quy định phân cấp về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức thuộc thẩm quyền quản lý của UBND tỉnh;

 1

Thông tư số 10/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 27/5/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Bác sĩ, Bác sĩ y học dự phòng, Y sĩ;

Thông tư số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01/10/2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ Nội vụ Quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ;

Thông tư số 27/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 7/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp dược;

Thông tư số 26/2015/TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Điều dưỡng, Hộ sinh, Kỹ thuật Y;

Thông thư 28/2015//TTLT-BYT-BNV ngày 07/10/2015 của liên Bộ Y tế, Bộ Nội vụ Quy định mã số, tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp Dinh dưỡng;

Thông tư số 17/2016/TTLT-BGDĐT-BTTTT ngày 21/6/2016 của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ thông tin và truyền thông về việc Quy định tổ chức thi và cấp chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin;

Công văn số 3775/BGDĐT-GDTEX ngày 3/8/2016 của Bộ Giáo dục và đào tạo về việc quy đổi chứng chỉ ngoại ngữ, tin học; Công văn số 6089/BGDĐT-GDTEX ngày 27/10/2014 của Bộ Giáo dục và đào tạo;

Quyết định số 19/QĐ-SNV ngày 29/01/2018 của Sở Nội vụ về việc phê duyệt số lượng người làm việc (biên chế sự nghiệp) hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo của đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo một phần chi thường xuyên năm 2018; Quyết định số 10/QĐ-SNV ngày 18/01/2019 của Sở Nội vụ về việc giao biên chế công chức hành chính, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập, các Hội cấp tỉnh có tính chất đặc thù và hợp đồng lao động theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP của Chính phủ năm 2019;

Công văn số 1804/SNV-CCVC ngày 29/11/2017 của Sở Nội vụ về việc hướng dẫn một số nội dung về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức; Công văn số 927/SNV-CCVC ngày 13/7/2018 của Sở Nội vụ về việc tăng cường công tác tuyển dụng viên chức;

Kế hoạch 455/KH-SYT ngày 18/3/2019 của Sở Y tế về việc xét tuyển

viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm tại Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh; Công căn số 456/SNV-CBCCVC ngày 11/4/2019 của Sở Nội vụ về việc tuyển dụng viên chức sự nghiệp tự bảo đảm chi phí hoạt động thường xuyên năm 2019 của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh trực thuộc Sở Y tế;

Căn cứ các văn bản quy định hiện hành về xét tuyển viên chức.

2. Căn cứ thực tiễn:

Căn cứ tình hình thực hiện biên chế, vị trí việc làm; cơ cấu chức danh, cơ cấu bộ phận của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh.

Theo đề xuất của Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa tại Công văn số 99/BVTH ngày 15/03/2019 và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh tại Công văn số 63/CV-BV ngày 05/3/2019 về việc đăng ký nhu cầu xét tuyển viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm.

II. Nội dung kế hoạch

1. Chỉ tiêu, hình thức tuyển dụng:

- Chỉ tiêu tuyển dụng: 34. Trong đó:

+ Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa: 18

+ Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh: 16

(Có phụ lục số 1 đính kèm)

- Hình thức tuyển dụng: Xét tuyển.

2. Vị trí việc làm cần tuyển dụng: 33 vị trí

Tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp đăng ký dự tuyển:

(Có biểu phụ lục số 2 đính kèm)

3. Nội dung tuyển dụng

3.1. Đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn đăng ký xét tuyển

- Người đăng ký xét tuyển viên chức phải có đủ tiêu chuẩn về phẩm chất, chuyên môn nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu của vị trí cần tuyển và đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 22 Luật Viên chức và điều kiện của đơn vị

3

đăng ký dự tuyển:

- + Có quốc tịch Việt Nam và cư trú tại Việt Nam;
- + Từ đủ 18 tuổi trở lên;
- + Có đơn đăng ký dự tuyển;
- + Có lý lịch rõ ràng;
- + Có văn bằng, chứng chỉ đào tạo phù hợp với vị trí việc làm;
- + Đủ sức khỏe để thực hiện công việc hoặc nhiệm vụ;
- Những người sau đây không thuộc đối tượng đăng ký xét tuyển viên chức:
 - + Mất năng lực hành vi dân sự hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự; đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự;
 - + Đang chấp hành bản án, quyết định về hình sự của Tòa án; đang bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục, trường giáo dưỡng.

3.2. Phiếu đăng ký dự tuyển và Hồ sơ dự tuyển:

3.1. Thí sinh nộp Phiếu đăng ký dự tuyển theo mẫu quy định tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP ngày 29/11/2018 của Chính phủ theo thời gian quy định tại kế hoạch này.

3.2. Hồ sơ dự tuyển

Hồ sơ dự tuyển viên chức nộp tại Sở Y tế sau khi có thông báo kết quả trúng tuyển. Thành phần hồ sơ như sau:

- + Bản sơ yếu lý lịch tự thuật có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền trong thời hạn 06 tháng, tính đến ngày nộp hồ sơ dự tuyển;
- + Bản sao các văn bằng, chứng chỉ và kết quả học tập theo yêu cầu của vị trí dự tuyển, được cơ quan có thẩm quyền chứng thực. Trường hợp văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp phải được công chứng dịch thuật sang tiếng Việt và chứng nhận của Cục Quản lý chất lượng;
- + Giấy chứng nhận sức khỏe còn giá trị sử dụng do cơ quan y tế đủ điều kiện được khám sức khỏe chứng nhận theo quy định hiện hành;
- + Giấy chứng nhận thuộc đối tượng ưu tiên trong tuyển dụng viên chức (nếu có) được cơ quan có thẩm quyền chứng thực;



+ Đối với người dự tuyển đã qua hợp đồng thực hiện nhiệm vụ hoặc công việc phù hợp với vị trí việc làm đăng ký tuyển dụng thì nộp bản chứng thực hợp đồng lao động và sổ bảo hiểm xã hội (nếu có);

* Lưu ý: Các bản sao văn bằng, chứng chỉ, giấy tờ phải kèm theo bản chính để đối chiếu theo quy định.

- Số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ/ thí sinh dự tuyển

- Hồ sơ dự tuyển được đựng trong phong bì cỡ 22cmx32cm

3.3. Quy định đăng ký nguyện vọng dự tuyển.

Một thí sinh chỉ được đăng ký dự tuyển một vị trí việc làm.

3.4. Lệ phí đăng ký xét tuyển:

Theo quy định Thông tư số 228/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ Tài chính Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí tuyển dụng, dự thi nâng ngạch, thăng hạng công chức, viên chức.

3.5. Thời gian, thời hạn và địa điểm nộp Phiếu đăng ký dự tuyển:

- Thời gian dự kiến: Quý II năm 2019

- Thời hạn nhận Phiếu đăng ký dự tuyển của người đăng ký dự tuyển là 30 ngày kể từ ngày thông báo tuyển dụng công khai trên phương tiện thông tin đại chúng, trên trang thông tin điện tử của Sở Y tế.

Người đăng ký dự tuyển viên chức nộp trực tiếp Phiếu đăng ký dự tuyển viên chức tại Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển hoặc gửi theo đường bưu chính. Vào lúc 17h00 của ngày cuối cùng trong thời hạn thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển, Tổ tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển lập biên bản chốt thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển qua nhận trực tiếp và đường bưu điện (căn cứ dấu tiếp nhận văn bản đến tại Văn thư Sở Y tế để xác định thời gian nộp Phiếu đăng ký dự tuyển).

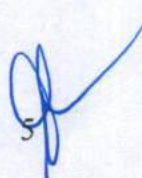
- Địa điểm tiếp nhận Phiếu đăng ký dự tuyển: Sở Y tế Quảng Bình.

(Có mẫu Phiếu đăng ký dự tuyển kèm theo)

3.6. Nội dung và hình thức xét tuyển viên chức

Xét tuyển viên chức được thực hiện theo 2 vòng như sau

3.6.1. Vòng 1



Hội đồng xét tuyển kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển đăng ký tại Phiếu đăng ký dự tuyển theo yêu cầu của vị trí việc làm, nếu phù hợp thì người dự tuyển được tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, phải thông báo triệu tập thí sinh tham dự vòng 2.

Chậm nhất là 15 ngày sau ngày thông báo triệu tập thí sinh được tham dự vòng 2 thì phải tiến hành tổ chức xét vòng 2.

3.6.2. Vòng 2

a) Thực hiện kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 bằng hình thức phỏng vấn phù hợp với tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển.

b) Điểm phỏng vấn được tính theo thang điểm 100.

c) Thời gian phỏng vấn 30 phút.

d) Không thực hiện việc phúc khảo đối với kết quả phỏng vấn.”

3.7. Nội dung ôn tập để kiểm tra về năng lực, trình độ chuyên môn, nghiệp vụ của người dự tuyển tại vòng 2 của kỳ xét tuyển.

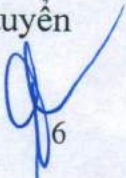
Chậm nhất 05 ngày làm việc sau ngày kết thúc việc kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn của người dự tuyển tại vòng 1, Sở Y tế thông báo phải nêu cụ thể thời gian, nội dung ôn tập và địa điểm tổ chức phỏng vấn.

Căn cứ tính chất hoạt động nghề nghiệp và yêu cầu của vị trí việc làm cần tuyển, Hội đồng xét tuyển quyết định nội dung ôn tập cụ thể của từng vị trí dự tuyển và thông báo bằng văn bản đến người dự tuyển theo quy định.

3.8. Xác định người trúng tuyển.

a) Người trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức phải có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả điểm phỏng vấn quy định vòng 2 đạt từ 50 điểm trở lên;
- Có số điểm vòng 2 cộng với điểm ưu tiên (nếu có) quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp trong phạm vi chỉ tiêu được tuyển dụng của từng vị trí việc làm.



b) Trường hợp có từ 02 người trở lên có kết quả điểm phỏng vấn quy định tại vòng 2 cộng với điểm ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì người có kết quả điểm phỏng vấn tại vòng 2 cao hơn là người trúng tuyển; nếu vẫn không xác định được thì người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

c) Trường hợp người dự xét tuyển viên chức thuộc nhiều diện ưu tiên quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP thì chỉ được cộng điểm ưu tiên cao nhất vào kết quả điểm thi tại vòng 2 theo quy định.

d) Người không trúng tuyển trong kỳ xét tuyển viên chức không được bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.”

3.9. Hội đồng xét tuyển

- Hội đồng xét tuyển thành lập theo quy định Khoản 2 Điều 6 Nghị định 20/2012/NĐ-CP của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

- Hội đồng xét tuyển làm việc theo nguyên tắc, nhiệm vụ quy định tại Khoản 3 Điều 6 Nghị định 29/2012/NĐ-CP đã được sửa đổi tại Nghị định 161/2018/NĐ-CP của Chính phủ.

3.10. Các nội dung khác

Thực hiện các nội dung khác của quy trình tuyển dụng viên chức theo các văn bản quy định hiện hành.

III. Tổ chức thực hiện

1. Trên cơ sở kế hoạch này, Sở Y tế thực hiện đăng tải thông báo tuyển dụng 01 lần trên Báo Quảng Bình; đăng tải trên Trang thông tin điện tử Quảng Bình và Trang thông tin điện tử Sở Y tế Quảng Bình; niêm yết tại trụ sở làm việc của Sở Y tế theo quy định.

2. Thu nhận Phiếu đăng ký dự tuyển trong thời hạn 30 ngày.

3. Thành lập Hội đồng xét tuyển viên chức, Ban Giám sát theo quy định. Hội đồng tuyển dụng được sử dụng con dấu, tài khoản của Sở Y tế trong các hoạt động của Hội đồng. Ban Giám sát được sử dụng con dấu của Sở Y tế trong

các hoạt động của Ban Giám sát.

4. Hội đồng tuyển dụng viên chức triển khai thực hiện xét tuyển đúng kế hoạch đã được phê duyệt theo Luật viên chức và các văn bản quy định hiện hành.

5. Hội đồng xét tuyển viên chức trình Giám đốc Sở Y tế phê duyệt kết quả tuyển dụng sau khi kết thúc công tác phỏng vấn tại vòng 2 theo thời gian quy định.

6. Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa, Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh căn cứ quyết định tuyển dụng của Sở Y tế để thẩm tra, xác minh văn bằng, chứng chỉ và ký hợp đồng làm việc đối với người trúng tuyển theo quy định.

Trên đây là Kế hoạch xét tuyển viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự bảo đảm tại Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh; các cơ quan, tổ chức, đơn vị căn cứ để triển khai thực hiện./.

Nơi nhận

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, TCCB.



Nguyễn Đức Cường

UBND TỈNH QUẢNG BÌNH
SỞ Y TẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

**CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN VIÊN CHỨC
SỰ NGHIỆP HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN TỰ ĐẢM BẢO**

(Kèm theo Kế hoạch số: 641/KH-SYT ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo của đơn vị được giao 2019	Viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo của đơn vị hiện có	Chỉ tiêu biên chế sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo chưa tuyển dụng	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng viên chức sự nghiệp hưởng lương từ nguồn tự đảm bảo năm 2019
1	Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hóa	83	49	34	18
2	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh	79	60	19	16

**TỔNG HỢP VỊ TRÍ VIỆC LÀM, TIÊU CHUẨN CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP CHỈ TIÊU XÉT TUYỂN
VIỆN CHỨC SỰ NGHIỆP HƯỞNG LƯƠNG TỪ NGUỒN TỰ ĐẢM BẢO TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA
HUYỆN TUYÊN HÓA VÀ BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUẢNG NINH**

(Kèm theo Kế hoạch số: 641 /KH-SYT ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Hạng chức danh nghề nghiệp, chức danh nghề nghiệp viên chức	Chỉ tiêu đăng ký tuyển dụng	Vị trí việc làm	Trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, năng lực theo yêu cầu				Ghi chú
				Trình độ chuyên môn, ngành hoặc chuyên ngành đào tạo	Trình độ tin học	Trình độ Ngoại ngữ	Điều kiện khác	
I	BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN TUYÊN HÓA							
X.1	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Nhi	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.2	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Khám bệnh	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.3	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Hồi sức cấp cứu- Tích cực và chống độc	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.4	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Dinh dưỡng	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		

X.5	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Xét nghiệm	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.6	Dược sỹ (hạng III), mã số V.08.08.22	01	Dược sỹ làm việc tại Phòng Kế hoạch - Tổng hợp	Đại học, ngành Dược	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.7	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Phòng Điều dưỡng	Đại học, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.8	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng Khoa Nhi	Đại học, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.9	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng Khoa Nội-Truyền nhiễm	Đại học, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.10	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng Khoa Khám bệnh	Đại học, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.11	Dinh dưỡng hạng III, mã số V.08.09.25	01	Khoa Dinh dưỡng	Đại học, ngành Dinh dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.12	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Khoa Nội – Truyền nhiễm	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.13	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Khoa Khám bệnh	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		

X.14	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Ngoại – Chuyên khoa	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.15	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng Khoa Y học cổ truyền	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.16	Kỹ sư hạng III, mã số V.05.02.07	01	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Đại học, ngành Công nghệ Kỹ thuật Môi trường	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.17	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.18	Y sỹ (hạng IV), mã số V.08.03.07	01	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	Trung cấp, ngành Y sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
II BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN QUẢNG NINH								
X.19	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa ngoại tổng hợp	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.20	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Dinh dưỡng	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.21	Bác sỹ (hạng III), mã số V.08.01.03	01	Bác sỹ khoa Khám bệnh	Đại học, ngành Bác sỹ đa khoa	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		

X.22	Dược sĩ (hạng III), mã số V.08.08.22	01	Khoa Dược, vật tư, trang thiết bị	Đại học, ngành Dược	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.23	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng khoa Khám bệnh	Đại học, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.24	Điều dưỡng hạng III, mã số V.08.05.12	01	Điều dưỡng khoa Cấp cứu hồi sức và Chống độc	Đại học, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc B trở lên	Bậc 2 (A2) hoặc B trở lên		
X.25	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Cấp cứu hồi sức và Chống độc	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.26	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Nội Nhi Lây	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.27	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	02	Điều dưỡng khoa YHCT&PHCN	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.28	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Khám bệnh	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.29	Điều dưỡng hạng IV, mã số V.08.05.13	01	Điều dưỡng khoa Khám bệnh	Trung cấp trở lên, ngành Điều dưỡng phụ sản	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.30	Kỹ thuật y hạng IV, mã số V.08.07.19	01	Phòng xét nghiệm vi sinh, khoa Cận lâm sàng	Trung cấp trở lên, ngành xét nghiệm y học	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		

X.31	Kỹ thuật y hạng IV, mã số: V.08.07.19	01	Khoa YHCT&PHCN	Trung cấp trở lên, ngành kỹ thuật VLTL&PHCN	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.32	Kỹ thuật viên (hạng IV) Mã số: V.05.02.08	01	Quản lý, sử dụng phần mềm thanh toán Bảo hiểm y tế, tại phòng Tài chính - Kế toán	Cao đẳng trở lên, ngành Công nghệ thông tin		Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		
X.34	Kế toán viên trung cấp mã số 06.032	01	Thu viện phí tại Phòng Tài chính – Kế toán	Trung cấp trở lên, ngành Kế toán	Tin học đạt chuẩn kỹ năng sử dụng CNTT cơ bản hoặc A trở lên	Bậc 1 (A1) hoặc A trở lên		

(Danh sách này gồm 34 chỉ tiêu tuyển dụng/ 33 vị trí việc làm)

BÁO CÁO CƠ CẤU VIÊN CHỨC TẠI BỆNH VIỆN ĐA KHOA HUYỆN TUYÊN HÓA

(Kèm theo Kế hoạch số: 641 /KH-SYT ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế)

I. CƠ CẤU CHỨC DANH TẠI CÁC KHOA, PHÒNG

TT	Khoa	Biên chế được giao	Biên chế hiện có															Sau khi tuyển dụng																
			Tổng	Trong đó														Tổng	Trong đó															
				Bác sĩ	Điều dưỡng	Hộ sinh	Kỹ thuật y	Y sỹ	Dược sỹ đại học	Dược TC, CĐ	Y tế công cộng	Kỹ sư	Thiết bị Y tế	CNTT	Luật	Kế toán	Hộ lý - Y công		Khác	Bác sĩ	Điều dưỡng	Hộ sinh	Kỹ thuật y	Y sỹ	Dinh dưỡng	Dược sỹ đại học	Dược TC, CĐ	Kỹ sư	Thiết bị Y tế	CNTT	Luật	Kế toán	Hộ lý - Y công	Khác
QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH		33	26	5	3	0	0	0	0	0	0	0	1	2	1	8	1	0	28	5	4	0	0	0	0	1	0	0	1	2	1	8	1	1
1	Ban giám đốc	4	3	3															3	3														
2	Phòng Kế hoạch-Tổng hợp	8	5	2	1								2						6	2	1				1				2					
3	Phòng Điều dưỡng	5	2		1												1	3		2													1	
4	Phòng Tài chính - Kế toán	8	8													8		8													8			
5	Phòng Tổ chức-Hành chính	8	8		1								1		1		1	4	8		1						1		1		1		4	
LÂM SÀNG		106	87	27	44	9	2	0	0	1	0	0	0	0	0	0	4	0	99	31	51	9	2	0	1	0	1	0	0	0	0	0	4	0
1	Khoa Cấp cứu, hồi sức tích cực và Chống độc	11	9	2	6												1	10	3	6												1		

2	Khoa Nội- Truyền Nhiễm	15	13	5	7											1		15	5	9											1			
3	Khoa Nhi	12	10	2	7	1												12	3	8	1													
4	Khoa Ngoại- Chuyên khoa	19	17	7	9											1		18	7	10											1			
5	Khoa Y học cổ truyền	12	10	5	5													11	5	6														
6	Khoa Phụ sản	11	10	3		6										1		10	3		6										1			
7	Khoa Khám bệnh	10	6	2	3	1												9	3	5	1													
8	Đơn nguyên Điều trị nội trú Thanh Lãng	11	11	1	6	1	2			1								11	1	6	1	2				1								
9	Khoa Dinh dưỡng	5	1		1													3	1	1				1										
CẬN LÂM SÀNG		35	27	2	5	0	11	0	2	7	0	0	0	0	0	0	0	31	3	6	0	11	1	0	2	7	1	0	0	0	0	0		
1	Khoa Xét nghiệm	10	9				9											10	1			9												
2	Khoa Chẩn đoán hình ảnh - Thăm dò chức năng	10	8	2	4		2											8	2	4		2												
3	Khoa Dược	10	9						2	7								9							2	7								
4	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn	5	1		1													4		2			1				1							
Tổng		174	140	34	53	9	13	0	2	8	0	0	1	2	1	8	5	4	158	39	62	9	13	1	1	3	8	1	1	2	1	8	5	4

II. CƠ CẤU CHUNG

	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định tại Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau khi tuyển dụng	Ghi chú
A	Cơ cấu bộ phận				
1	Lâm sàng	60 - 65%	87/140 (62,14%)	99/158 (62,66%)	
2	Cận lâm sàng và Dược	22 - 15%	27/140 (19,29%)	32/158 (19,62%)	
3	Quản lý, hành chính	18 - 20%	26/140 (18,57%)	28/158 (17,72%)	
B	Cơ cấu chuyên môn				
1	Bác sỹ/chuyên môn y tế khác (điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y)	1/3 - 1/3,5	1/2,2	1/2,15	
2	Dược sỹ đại học/Bác sỹ	1/8 - 1/15	1/11	1/10	
3	Dược sỹ đại học/Dược sỹ trung cấp	1/2 - 1/2,5	1/4	1/2,6	

(Kèm theo Kế hoạch số 641 /KH-SYT ngày 17 tháng 4 năm 2019 của Sở Y tế)

[illegible]

5	Khoa Phụ sản	12	11	2		9											11	2		9																
6	Khoa Khám bệnh	30	27	10	14											3	31	11	17											3						
CẬN LÂM SÀNG		35	32														35																			
1	Khoa Cận lâm sàng	13	12	2			6		4								13	2			7		4													
2	Khoa Dược, vật tư, trang thiết bị	10	9							2	7						10								3	7										
3	Khoa Kiểm soát nhiễm khuẩn - Dinh dưỡng	12	11		3	1									5	2	12	1	3	1									5	2						
Tổng		166	147	37	49	10	6	1	4		2	7	1		1		4	5	20	164	40	57	10	7	2	4		3	7	1		3		5	5	20

II. CƠ CẤU CHUNG CỦA BỆNH VIỆN

	Cơ cấu	Tỷ lệ quy định tại Thông tư 08/2007/TTLT-BYT-BNV	Tỷ lệ hiện có	Tỷ lệ sau khi tuyển dụng	Ghi chú
A	Cơ cấu bộ phận				
1	Lâm sàng	60 -65%	58,5%	59,2%	
2	Cận lâm sàng và Dược	22 - 15%	21,7%	21,3%	
3	Quản lý, hành chính	18 - 20%	19,7%	19,5%	
B	Cơ cấu chuyên môn				
1	Bác sỹ/chuyên môn y tế khác (điều dưỡng, hộ sinh, kỹ thuật y)	1/3 -1/3,5	1/1,9	1/2.05	
2	Dược sỹ đại học/Bác sỹ	1/8 -1/15	1/18.5	1/13.3	
3	Dược sỹ đại học/Dược sỹ trung cấp	1/2 -1/2,5	1/3.5	1/2.3	

**BÁO CÁO KHẢ NĂNG TÀI CHÍNH THỰC HIỆN TUYỂN DỤNG VIÊN CHỨC SỰ NGHIỆP TRONG
CHỈ TIÊU BIÊN CHẾ TỰ BẢO ĐẢM CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG THƯỜNG XUYÊN**

Đơn vị: Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hoá và Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh

(Kèm theo Kế hoạch số ngày tháng năm 2019 của Sở Y tế)

TT	Đơn vị	Báo cáo khả năng tài chính (Đ/v tính: Triệu đồng)														
		Ngân sách cấp					Thu sự nghiệp					Phần được trích lại từ nguồn thu để chi cho hoạt động (*)				
		2017	2018	2019	KH 2020	KH 2021	2017	2018	2019	KH 2020	KH 2021	2017	2018	2019	KH 2020	KH 2021
1	Bệnh viện đa khoa huyện Tuyên Hoá	6.404	3.774	5.127	5.127	5.127	28.683	29.672	30.000	31.000	32.000	7.437	9.500	10.000	11.000	11.500
2	Bệnh viện đa khoa huyện Quảng Ninh	5.763	3.500	2.517	1.500	0	29.650	28.500	33.000	33.500	34.000	9.218	13.149	14.500	15.000	15.500

(*) chi trả tất cả các khoản cho người lao động, viên chức tự trang trải.